

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/3/2023.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Sỹ Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Phạm Văn Huynh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 999/2022/HNGĐ-ST ngày 15/12/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị Mỹ T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 4, xã T, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- ***Bị đơn:*** Anh Bùi Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 275 ấp A, xã L, huyện Long Thành, Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Nguyên đơn chị Bùi Thị Mỹ T trình bày:*** Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Long Thành. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách hai người không hợp nhau, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Mặc dù cả hai đã tự hòa giải đoàn tụ nhưng không được, chị và anh T hiện nay không còn sống chung với nhau nữa. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Xuân Gia B, sinh năm 2014 và cháu Bùi Xuân Gia H, sinh năm 2019. Sau khi ly hôn, chị yêu

cầu giao hai con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi nộp đơn xin ly hôn thì chị có yêu cầu anh Tươi cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên nay chị xin rút lại yêu cầu này, khi nào cần thiết chị sẽ yêu cầu anh Tươi cấp dưỡng nuôi con sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Bùi Văn T:* Đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo và các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ, bị đơn chưa chấp hành tốt pháp luật. Phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Về nội dung vụ án: Chị Bùi Thị Mỹ T và anh Bùi Văn T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tiên. Về con chung giao cho chị Tiên chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Mỹ T và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 22/10/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh T phát sinh mâu thuẫn nhiều vấn đề trong cuộc sống và không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị T. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Mỹ T và anh Bùi Văn T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] *Về con chung*: Giao cháu Bùi Xuân Gia B, sinh năm 2014 và cháu Bùi Xuân Gia H, sinh năm 2019 cho chị Bùi Thị Mỹ T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn T vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị Mỹ T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Mỹ T. Chị Bùi Thị Mỹ T được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Bùi Xuân Gia B, sinh năm 2014 và cháu Bùi Xuân Gia H, sinh năm 2019 cho chị Bùi Thị Mỹ T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Bùi Văn T vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Bùi Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005599 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí chị T phải nộp.

Chị Bùi Thị Mỹ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H.Long Thành.
- Chi cục THA.DS H.Long Thành.
- UBND xã L, Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu: HS, VP, BP, TP(L).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Sỹ Tuân